

ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI

ĐỖ KHÁNH NĂM*

Ngày nhận bài: 01/08/2016; ngày sửa chữa: 18/08/2016; ngày duyệt đăng: 19/08/2016.

Abstract: Testing and assessment are important phases of teaching process, key tools to evaluate learners' cognitive competency and the driving force to promote the process of teaching innovation. In this article, author analyses situation of testing and assessment of learning results under credit system at Hanoi University of Home Affairs and proposes measures to improve training quality of the university and meet the demands of society.

Keywords: Credit system, the learning outcomes of students.

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu đào tạo theo học chế tín chỉ có đặc điểm quan trọng là cá thể hóa việc học tập, giúp người học có thể học theo năng lực và điều kiện riêng của mình, biết cách học, cách sử dụng, khai thác và phát huy được tính tích cực, chủ động trong học tập. Quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ là sự tích lũy kiến thức, quá trình học là quá trình tích lũy kiến thức, chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ chú trọng vào đánh giá (ĐG) kết quả học tập thường xuyên. Để làm được điều này, sinh viên (SV) cần nắm vững quy trình, quy chế, biết tự thích nghi và có năng lực tự học. Vì vậy, để phát huy hiệu quả của mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ, ngoài nỗ lực từ phía nhà trường, sự nỗ lực của mỗi SV, việc sắp xếp lại hệ thống và quy trình quản lý, nhất là đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) là một việc làm rất cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo.

2. Một số khái niệm và vai trò của KT, ĐG trong quá trình dạy học (QTDH)

Kiểm tra: Theo **Đại Từ điển tiếng Việt** [1], kiểm tra (KT) được hiểu là xem xét tình hình thực tế để ĐG, nhận xét. Theo Trần Bá Hoàn [2], KT là cung cấp những dữ kiện, thông tin làm cơ sở cho việc ĐG. Một số nhà khoa học giáo dục (GD) cho rằng: KT với nghĩa là nhằm thu thập số liệu, chứng cứ, xem xét, soát xét lại công việc thực tế để ĐG và nhận xét. Như vậy, việc KT sẽ cung cấp dữ kiện, thông tin cần thiết, làm cơ sở cho việc ĐG SV.

Đánh giá: Theo **Đại Từ điển tiếng Việt** [1], các kết quả KT thành tích học tập, rèn luyện của người học được thể hiện trong việc ĐG các thành tích học tập, rèn luyện đó. Theo Dương Thiệu Tống [3], ĐG

trong GD là quá trình thu thập và xử lý kịp thời, có hệ thống thông tin về hiện trạng và hiệu quả GD, căn cứ vào mục tiêu dạy học, làm cơ sở cho những chủ trương, biện pháp và hành động trong GD tiếp theo. Có thể nói, ĐG là quá trình thu thập phân tích và giải thích thông tin một cách hệ thống nhằm xác định mức độ đạt được của các mục tiêu GD. ĐG có thể thực hiện bằng phương pháp định lượng hay định tính.

KT, ĐG: được hiểu là sự theo dõi, tác động của người KT đối với người học nhằm thu thập các thông tin cần thiết khi ĐG. Theo [3], *ĐG có nghĩa là xem xét mức độ phù hợp của một tập hợp các thông tin thu được với một tập hợp các tiêu chí thích hợp của mục tiêu đã xác định nhằm đưa ra quyết định theo một mục đích nào đó.*

Các nhà nghiên cứu lí luận dạy học đều cho rằng, dạy học là một quá trình hoạt động có mục đích, gồm đầy đủ các thành tố cơ bản sau: *Xây dựng mục tiêu, thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động dạy - học và KT, ĐG.* Do đó, KT, ĐG là một khâu rất quan trọng, không tách rời QTDH; là một công cụ quan trọng, chủ yếu để xác định năng lực nhận thức của người học, điều chỉnh và là động lực thúc đẩy sự phát triển của QTDH.

KT, ĐG là một bộ phận quan trọng của quản lí GD, quản lí chất lượng dạy và học. Bản chất của KT, ĐG là cung cấp những thông tin nhằm xác định mục tiêu của chương trình GD có đạt được hay không, mức độ đạt được như thế nào? ... Thông tin thu được từ kết quả KT, ĐG sẽ rất hữu ích cho các nhà quản lí, cho giảng viên (GV), giúp họ nắm được thông tin cơ bản về thực trạng dạy học, chất lượng đào tạo để có sự

* Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

chỉ đạo kịp thời; từ đó góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo theo mục tiêu GD.

3. Định hướng chung về đổi mới KT, ĐG

- Nhận thức đầy đủ vai trò của KT, ĐG trong GD: là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu GD, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của SV.

- ĐG cần dựa theo quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kĩ năng (KN), thái độ của SV qua từng học phần, chuyên ngành đào tạo.

- Cần phối hợp giữa ĐG thường xuyên và ĐG định kì; ĐG quá trình và ĐG kết quả; ĐG của GV và tự ĐG của SV; ĐG của nhà trường và ĐG của xã hội, đặc biệt là người sử dụng nguồn nhân lực.

- Kết hợp giữa hình thức ĐG bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận.

- Sử dụng công cụ ĐG thích hợp để ĐG toàn diện, công bằng, trung thực, có khả năng phân loại, giúp GV và SV điều chỉnh kịp thời QTDH.

4. Ý nghĩa của việc đổi mới công tác KT, ĐG

- Giúp GV, các nhà quản lí có thêm biện pháp, “thước đo” trong việc ĐG chính xác và khách quan kết quả học tập của SV.

- Góp phần thúc đẩy tinh thần học tập, chủ động, tích cực, say mê nghiên cứu khoa học, rèn luyện khả năng lập luận của SV.

- Góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giúp GV không ngừng cải tiến phương pháp dạy học nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

5. Thực trạng việc KT, ĐG ở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

ĐG kết quả học tập là một khâu quan trọng trong quá trình đào tạo. Việc KT, ĐG kết quả học tập không chỉ nhằm mục đích ĐG kết quả quá trình học tập của SV mà còn là nguồn thông tin ngược (phản hồi), giúp GV nắm bắt được chất lượng, hiệu quả của phương pháp giảng dạy để từ đó, có sự điều chỉnh thích hợp. Như vậy, việc ĐG kết quả học tập của người học có mối quan hệ chặt chẽ với việc giảng dạy của người thầy. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để kết quả ĐG phản ánh đầy đủ, trung thực, chính xác, khách quan những kiến thức mà người học thu được và có một phương pháp ĐG thích hợp vẫn là điều mà các nhà quản lí GD, các nhà giáo quan tâm. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát, ĐG thực trạng việc KT, ĐG ở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, trên cơ sở đó để đổi mới công tác KT, ĐG nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

5.1. Quy trình KT, ĐG kết quả học tập của

SV: là trình tự sử dụng các hình thức KT, ĐG khác nhau xuyên suốt QTDH môn học nhằm đạt được các mục tiêu đã xác định trong đề cương môn học. Các hình thức KT, ĐG kết quả học phần bao gồm:

- *KT, ĐG thường xuyên:* là hoạt động của GV sử dụng các kĩ thuật ĐG khác nhau trong các hình thức tổ chức dạy học (lí thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu,...) như một bộ phận của phương pháp dạy học nhằm rèn luyện và KT kiến thức, KN đã xác định trong mục tiêu của môn học, với trọng số điểm được quy định là 10%;
- + *KT, ĐG định kì* nhằm ĐG, định hướng việc đạt được mục tiêu môn học ở giai đoạn tương ứng của SV, với trọng số điểm được quy định chiếm 30%;
- *Thi kết thúc học phần,* là hoạt động KT, ĐG khi SV đã hoàn thành chương trình môn học thông qua các hình thức thi: tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn..., với trọng số điểm được quy định là 60%. Hình thức thi KT, ĐG được áp dụng chủ yếu: thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, tiểu luận, bài tập lớn, niên luận,...

5.2. Về đề thi và cách thức KT, ĐG.

Đề thi kết thúc học phần được sử dụng từ 2 nguồn: GV ra đề hoặc lấy từ ngân hàng câu hỏi thi do các khoa, trung tâm biên soạn thông qua Hội đồng nghiệm thu và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung KT, ĐG chủ yếu là kiến thức lí thuyết, nhìn chung còn máy móc. Số câu hỏi về KN chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu đề thi.

Ngoài ra, quá trình ĐG học tập cũng còn chưa chú trọng vào ĐG người học ở bậc cao trong 6 thang nhận thức của Bloom [2] là bậc 5, 6 (tương ứng với *tổng hợp, ĐG*), mà chủ yếu ĐG ở bậc nhận thức trung bình 3 và 4 (tương ứng với *ứng dụng, phân tích*) và ĐG ở mức độ nhận thức thấp (bậc 1 và 2 tương ứng với *nhớ, hiểu*). Thống kê 20 ngân hàng câu hỏi thi tự luận và vấn đáp biên soạn năm 2015 (trình độ đại học với tổng số 795 câu hỏi) do 5 khoa biên soạn (gồm: Văn thư - Lưu trữ; Quản trị văn phòng; Tổ chức và Quản lí nhân lực; Khoa học chính trị; Hành chính học); Trong tổng số 795 câu hỏi có tới 197 câu hỏi chiếm tỉ lệ 24,7% ĐG SV ở mức độ nhận thức bậc 1 và 2; 188 câu hỏi chiếm tỉ lệ 23,6% ĐG SV ở mức độ nhận thức bậc 3 và 4; có 15/20 bộ ngân hàng câu hỏi thi yêu cầu SV không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Điều này dẫn đến SV phải học thuộc, có phần thụ động trong tiếp nhận kiến thức; không ĐG được khả năng vận dụng kiến thức của SV vào giải quyết

các vấn đề thực tiễn, không ĐG được khả năng tư duy tổng hợp, khái quát và tư duy phản biện của các em.

Khảo sát, thống kê 25 bộ ngân hàng câu hỏi thi tự luận, trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm kết hợp với tự luận và vấn đáp biên soạn năm 2015 (trình độ đại học với tổng số 895 câu hỏi) do 5 Khoa và 2 Trung tâm biên soạn (gồm: Văn thư - Lưu trữ; Quản trị văn phòng; Tổ chức và Quản lý nhân lực; Văn hóa thông tin và xã hội; Hành chính học, Trung tâm Tin học; Trung tâm Ngoại ngữ) cho thấy: có tới 157/895 câu hỏi, chiếm tỉ lệ 17,5% mức độ khó đối với SV; 190/895 câu hỏi, chiếm tỉ lệ 21,3% thuộc câu hỏi dễ. Với câu hỏi dễ, nội dung chủ yếu yêu cầu SV nêu, trình bày lại khái niệm hoặc nội dung kiến thức trong giáo trình. Cách ra đề như vậy chưa phù hợp với trình độ của SV đại học.

Khảo sát, thống kê 05 bộ ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm kết hợp với tự luận (trình độ đại học với tổng số 295 câu hỏi) do 3 Khoa biên soạn (gồm các khoa: Quản trị văn phòng; Tổ chức và Quản lý nhân lực; Hành chính học) năm 2015 thu được: 100% câu hỏi chỉ có 01 phương án đúng duy nhất; 22/295 câu hỏi chiếm 7,4% chứa đựng thông tin chưa thật sự rõ ràng; 35/295 câu hỏi chiếm 11,8%, chưa thật sự tường minh, khiến SV khó hiểu, dẫn đến việc lựa chọn phương án đúng rất khó khăn.

Nhìn chung, việc KT, ĐG hiện nay còn chú trọng đến mục tiêu phân loại kết quả học tập của SV, ít đề cập một cách thỏa đáng đến các yêu cầu khách quan trong thực tiễn phát triển xã hội hiện nay. Nội dung câu hỏi chưa chú trọng gắn kết giữa kiến thức lí thuyết với KN thực hành nghề nghiệp, nên chưa phát huy hết khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV.

6. Một số giải pháp đổi mới KT, ĐG nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

- *Bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, GV:* Nhà trường cần mở các chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, GV trong quá trình đổi mới KT, ĐG. Tổ chức các hội thảo về đổi mới KT, ĐG; tập huấn cho GV về năng lực ra đề thi; soạn thảo các hướng dẫn quy trình và phương pháp KT, ĐG; xây dựng hệ thống thông tin nguồn về kiểm định và ĐG chất lượng; có chính sách khen thưởng kịp thời, hợp lí đối với cán bộ, trong quá trình đổi mới công tác KT, ĐG.

- *Đổi mới nội dung KT:* Việc KT không chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện lại kiến thức, cần chú ý đến KT

năng lực độc lập sáng tạo của SV. Nội dung KT cần đảm bảo tính toàn diện, đồng thời chú ý đến tính phổ thông, đại trà và tính phân hóa trong học tập của SV, gắn giữa lí thuyết với KN thực hành nghề nghiệp, KN mềm, tạo cho các em có thói quen tự tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu chuyên ngành đang theo học.

- *Đổi mới hình thức KT:* Cần khuyến khích GV sử dụng nhiều hình thức KT, dạng đề thi khác nhau như: thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, tiểu luận, bài tập lớn, niên luận,... Tăng cường việc KT, ĐG thông qua bài tập tiểu luận, bài tập lớn, niên luận, khóa luận,...

- *Đổi mới về quy trình tổ chức thi:*

+ *Đổi mới ra đề thi theo hướng chú trọng ĐG phẩm chất và năng lực của SV.* Chủ động kết hợp một cách hợp lí, phù hợp giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiến thức lí thuyết và KN thực hành trong các bài KT. GV cần tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn, tăng cường các câu hỏi mở, cập nhật kiến thức mới, liên hệ với thực tiễn, gắn với chuyên ngành đào tạo cho SV; ĐG SV thông qua sự hiểu biết về kinh tế, chính trị, xã hội trong quá trình hội nhập và phát triển của nước ta hiện nay.

Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, KT theo ma trận; chỉ đạo việc ra câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn đúng thay vì chỉ có các câu hỏi một lựa chọn đúng như trước đây; tăng cường sử dụng các hình thức KT khác nhau như: báo cáo nghiên cứu khoa học, tiểu luận, dự án, bài tập làm ở nhà,... KT theo định hướng phát triển năng lực nhằm phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, khả năng làm việc nhóm của SV.

Đề thi cần tăng cường các phần thuộc loại nhận thức bậc cao trong bảng xếp loại Bloom như: nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và ĐG nhằm giúp SV biết suy luận, nghiên cứu, phân tích để giải quyết vấn đề một cách thường xuyên trong quá trình học tập, tránh tình trạng học vẹt, học tủ. Khi đó, GV sẽ khuyến khích SV tham khảo nhiều tài liệu khi làm bài ở nhà, có thể cho SV làm việc hợp tác theo nhóm và sử dụng tài liệu trong các kì thi kết thúc học phần.

+ *Đổi mới khâu chấm, chữa bài, ĐG chất lượng SV:* Các khâu này cần được coi trọng, thực hiện nghiêm túc, khoa học. Điểm số chính xác, công bằng, khách quan sẽ có tác động tích cực đến hoạt động học tập của SV; ngược lại, điểm số không chính xác, thiếu công bằng sẽ có tác động ngược lại. Khi chấm bài KT, cần có phần nhận xét, động viên sự cố gắng, tiến bộ

của SV. Vì vậy, ĐG kết quả học tập là một biện pháp nhằm khuyến khích, động viên SV tham gia tích cực vào hoạt động học tập, rèn luyện. Khi chấm các bài báo cáo, tiểu luận, khóa luận,... GV cho SV thảo luận, tự ĐG, nhận xét bài làm của mình, sau đó ĐG cách trình bày, công trình nghiên cứu của các em. Từ đó, GV sẽ kiểm soát, ĐG được khả năng tìm tòi, nhận định, phân tích, tổng hợp, óc sáng tạo của SV đối với từng vấn đề nghiên cứu, thảo luận.

GV cần chú trọng ĐG quá trình, ĐG trên lớp; ĐG bằng nhận xét; tăng cường hình thức ĐG thông qua bài thuyết trình; kết hợp giữa kết quả ĐG trong QTDH và ĐG qua bài thi kết thúc học phần. Các hình thức KT, ĐG đều hướng tới phát triển năng lực của SV, hướng dẫn về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, tạo hứng thú học tập cho các em. Quá trình KT, ĐG không chỉ tổng kết các kiến thức, KN, mà còn SV biết làm gì từ những điều đã học.

Tự KT, ĐG trong quá trình học tập là biện pháp giúp SV hình thành KN, kĩ xảo, từ đó nhận biết rõ ưu khuyết điểm của mình để tìm cách khắc phục. Về mặt nhận thức, tự KT, ĐG tạo nên “mối liên hệ ngược”, giúp SV có cơ sở thực tế với độ tin cậy cao nhằm ĐG kết quả học tập của bản thân và khắc phục sai lầm, thiếu sót, củng cố kiến thức; góp phần hình thành KN và thói quen trong học tập như: nắm được vấn đề đặt ra, nhạy bén, linh hoạt, biết vận dụng kiến thức, KN vào các hoạt động thực tiễn,... Quá trình tự KT, ĐG có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức, như: dùng thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV, tự ĐG, sự ĐG nhận xét của tập thể thông qua thảo luận, tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu,...

+ **Sử dụng kết quả KT, ĐG để điều khiển QTDH:** Việc phân tích mối quan hệ và vai trò phản hồi đã khẳng định một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của KT, ĐG là góp phần hoàn chỉnh, tạo động lực thúc đẩy QTDH chuyển sang một giai đoạn mới, phát triển cao hơn. KT, ĐG không chỉ thực hiện mục tiêu ĐG kết quả học tập của SV mà còn điều khiển QTDH. Vì vậy, cần coi trọng khâu này trong đổi mới quy trình KT, ĐG.

7. Kết luận

Trong GD đại học hiện nay, KT, ĐG kết quả học tập của SV là khâu quan trọng của QTDH; là cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học và quản lí GD. Nếu ĐG sai dẫn đến nhận định sai về chất lượng đào tạo, gây tác hại lớn đến việc sử dụng nguồn nhân lực; nếu ĐG đúng, chính xác và khách quan sẽ giúp người học tự tin, hăng say, nâng cao năng

lực của các em trong học tập. Đổi mới KT, ĐG là một yêu cầu cấp bách, có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng dạy học; tạo ra tác động tích cực tới việc dạy và học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý (2011). *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Trần Bá Hoành (1995). *Đánh giá trong giáo dục*. NXB Giáo dục.
- [3] Dương Thiệu Tống (1995). *Trắc nghiệm và đo lường thực hành thành quả học tập*. NXB Khoa học xã hội.
- [4]. Bộ GD-ĐT (2007). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐBGDDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [5] Bloom, B.S., (Ed.) (1956). *Phân loại tư duy cho các mục tiêu giáo dục: Phân loại các mục tiêu giáo dục: Quyển I, nhận thức về lĩnh vực*.
- [6] *Quy định tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội* (Ban hành kèm theo Quyết định số 973/QĐ-ĐHNH, ngày 15/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội).

Xây dựng chương trình đào tạo...

(Tiếp theo trang 41)

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2007). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐBGDDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2] Bloom, B.S., (Ed.) (1956). *Phân loại tư duy cho các mục tiêu giáo dục: Phân loại các mục tiêu giáo dục: Quyển I, nhận thức về lĩnh vực, New York: Longman*.
- [3] Trần Bá Hoành (1995). *Đánh giá trong giáo dục (Dùng cho các trường đại học sư phạm và cao đẳng sư phạm)*. NXB Giáo dục.
- [4] *Quy định tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội* (Ban hành kèm theo Quyết định số 973/QĐ-ĐHNH, ngày 15/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội).
- [5] Dương Thiệu Tống (1995). *Trắc nghiệm và đo lường thực hành thành quả học tập*. NXB Khoa học xã hội.
- [6] Nguyễn Như Ý (2011). *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh.